

ĐỀ ÁN

**Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn
tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày /01/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

1.1. Tình hình phát triển doanh nghiệp của tỉnh

a) Kết quả đăng ký thành lập mới doanh nghiệp

Sau thời kỳ suy thoái kinh tế giai đoạn trước, giai đoạn 2016 đến nay, kinh tế đã có sự ổn định, phục hồi; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện nên số lượng doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là DN) đăng ký thành lập mới có sự tăng đột phá. Giai đoạn này ước trên địa bàn tỉnh đã có 6.170 DN được thành lập mới, gấp 2,64 lần giai đoạn 2011-2015; bình quân mỗi năm có trên 1.200 DN đăng ký thành lập; vốn đăng ký là 60.093 tỷ đồng, gấp 5,9 lần so với giai đoạn 2011-2015.

Năm 2016, số DN thành lập mới là 851 DN, tăng 23,7% so với năm 2015 với số vốn đăng ký là 13.182 tỷ đồng (không tính vốn đăng ký của các DN FDI, thì vốn đăng ký năm 2016 tăng gấp 2,52 lần so với 2015). Vốn đăng ký bình quân của các DN đăng ký mới cao hơn nhiều so với các năm trước vào khoảng 15,5 tỷ đồng/01 DN, do trong năm thu hút được nhiều DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (DN FDI) có quy mô lớn⁽¹⁾. Tuy có số lượng DN thành lập mới tăng mạnh nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với bình quân cả nước (bình quân của cả nước năm 2016 là 1.747 DN), đứng thứ 20/63 tỉnh, thành của cả nước. đứng sau các tỉnh như Hải Phòng, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên và cao hơn các tỉnh như Thái Nguyên, Lạng Sơn, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Bình, Nam Định.

Năm 2017, số DN đăng ký là 1.281 DN, tăng 50,5% so với năm 2016 với số vốn đăng ký là 10.978 tỷ đồng, giảm 16,7% so với số vốn đăng ký năm 2017; vốn đăng ký bình quân khoảng 8,6 tỷ đồng/01 DN. So với bình quân cả nước, số DN thành lập mới bằng 63,6 %, đứng thứ 18/63 tỉnh, thành; vốn đăng ký bình quân một DN thấp hơn 1,6 tỷ đồng.

Năm 2018, số DN đăng ký là 1.238 DN, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2017; vốn đăng ký của các DN là 9.924 tỷ đồng, giảm 9,6% so với cùng kỳ năm 2017; vốn đăng ký bình quân khoảng 8 tỷ đồng/01 DN. So với bình quân cả nước,

⁽¹⁾ : Công ty TNHH Vina Cell Technology, vốn đăng ký 876 tỷ đồng; Công ty TNHH New Wing interconnect Technology (Bắc Giang, vốn đăng ký 676 tỷ đồng; Công ty TNHH Trina Solar (Vietnam), vốn đk: 574 tỷ đồng; Công ty TNHH Luxshare - ICT (Việt Nam), vốn đăng ký 468 tỷ đồng.

số DN thành lập mới vẫn thấp hơn, chỉ bằng 59,4%, vẫn đứng thứ 18/63 tỉnh, thành; vốn đăng ký bình quân một DN thấp hơn 3,3 tỷ đồng.

Năm 2019, trên địa bàn tỉnh có 1.300 doanh nghiệp được thành lập mới, tăng 8% (đứng thứ 18/63 tỉnh thành); tổng số vốn đăng ký là 13.900 tỷ đồng, tăng 41,2%. Doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ chiếm 45,7%, lĩnh vực công nghiệp, xây dựng chiếm 51,2%, lĩnh vực nông, lâm nghiệp chiếm 3,1%. Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng đạt 80,2%, tăng 4,2%.

Năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, số lượng doanh nghiệp đăng ký mới vẫn tăng mạnh, ước đạt 1.500 DN, với số vốn đăng ký là 12.109 tỷ đồng.

Lũy kế đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 11.000 DN thành lập với số vốn đăng ký là 82.562 tỷ đồng.

Bảng 1: Kết quả đăng ký thành lập mới DN qua các năm

STT	Nội dung	Giai đoạn 2011-2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước Năm 2020	Lũy kế đến nay
1	Số lượng DN đăng ký	2.524	851	1.281	1.238	1.300	1.500	11.000
2	Vốn đăng ký (tỷ đồng)	10.105	13.182	10.978	9.924	13.900	12.109	82.562

1.1.2. Tình hình tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản của DN

Giai đoạn 2016 -2020, số DN thực hiện đăng ký thủ tục giải thể và xóa tên trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký DN là 373 DN, bằng 6 % số DN đăng ký mới; DN tạm ngừng hoạt động có thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh là 1.333 DN, bằng 32,7% số DN đăng ký mới; số DN không tìm thấy địa chỉ, không kê khai thuế 2.022 DN, bằng 32,7% số DN đăng ký mới, chiếm tỷ lệ cao.

Tính đến hết năm 2020, số DN thực hiện đăng ký thủ tục giải thể và xóa tên trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký DN là 479 DN, bằng 4,4% số DN đã đăng ký; DN tạm ngừng hoạt động có thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh là 1.573 DN, bằng 14,3% số DN đã đăng ký; DN không tìm thấy địa chỉ, không kê khai thuế 2.497 DN, chiếm tỷ lệ cao, bằng 22,7% số DN đã đăng ký.

Bảng 2: Tình hình tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản của DN

STT	Nội dung	Giai đoạn 2011-2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước năm 2020	Lũy kế đến hết năm 2020
1	Số DN tạm ngừng hoạt động	240	197	166	297	283	390	1.573
2	Số DN Giải thể	106	63	75	77	73	85	479
3	Số DN không tìm thấy địa chỉ; không kê khai thuế	475	225	350	364	450	633	2.497
4	Số DN Phá sản	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	821	485	591	738	806	1.108	4.549

1.1.3. Tình hình hoạt động của các DN

DN hoạt động kinh doanh có lãi có xu hướng giảm trong những năm gần đây và chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số DN hoạt động. Năm 2015, số DN kinh doanh có lãi là 1.239 DN, chiếm 37,5% số DN hoạt động; năm 2016, có 1.365 DN kinh doanh có lãi, chiếm 35,7%; năm 2017 tỷ lệ DN hoạt động có lãi chiếm tỷ trọng khá thấp, chỉ chiếm 33,8% tổng số DN hoạt động; Năm 2018, số DN hoạt động có lãi khoảng 1.676 DN, chiếm khoảng 35,1% số DN hoạt động. Năm 2019 có số DN hoạt động có lãi khoảng 2.000 DN, chiếm khoảng 30,1% số DN hoạt động.

DN hoạt động kinh doanh thua lỗ có xu hướng tăng, ngày càng chiếm tỷ lệ cao trong tổng số DN hoạt động. Năm 2015, số DN kinh doanh thua lỗ là 1.558 DN, chiếm 47,1% số DN hoạt động; năm 2016, có 645 DN chiếm 47,4%; năm 2017 tỷ lệ DN hoạt động thua lỗ chiếm tới 49,7% tổng số DN hoạt động. Năm 2018 có số DN hoạt động thua lỗ khoảng 2.419 DN, chiếm khoảng 50,7% số DN hoạt động. Năm 2019 có số DN hoạt động thua lỗ khoảng 3.250 DN, chiếm khoảng 48,9% số DN hoạt động.

Bảng 3: Tình hình kinh doanh (lỗ, lãi) của DN qua các năm

S T T	Nội dung	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Số DN	Tỷ lệ %	Số DN	Tỷ lệ %	Số DN	Tỷ lệ %	Số DN	Tỷ lệ %	Số DN	Tỷ lệ %
Tổng số DN hoạt động		<u>3.306</u>	<u>100</u>	<u>3.822</u>	<u>100</u>	<u>4.471</u>	<u>100</u>	<u>4.771</u>	<u>100</u>	<u>6.650</u>	<u>100</u>
1	DN hoạt động có lãi	1.239	37,5	1.365	35,7	1.511	33,8	1.676	35,1	2.000	30,1
2	DN hoạt động cầm chừng	509	15,4	645	16,9	738	16,5	676	14,2	1.400	21,0
3	DN hoạt động thua lỗ	1.558	47,1	1.812	47,4	2.222	49,7	2.419	50,7	3.250	48,9

1.1.4. Một số đóng góp quan trọng của các DN

Nhờ những đóng góp tích cực của DN, thời gian qua, tỉnh Bắc Giang đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, cụ thể:

a) Đóng góp của các DN vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh

Các DN đã có đóng góp ngày càng lớn vào GRDP và tăng trưởng kinh tế của tỉnh, trở thành động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong thời gian qua, đặc biệt là từ năm 2015 đến nay.

Với tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 10,5%/năm, thì đóng góp của các DN đạt khoảng 5 điểm phần trăm; giai đoạn 2016-2020 tăng trưởng GRDP đạt 14%/năm, thì các DN đóng góp khoảng 10,3 điểm phần trăm.

b) Đóng góp của các DN vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Số lượng DN tăng nhanh trong những năm gần đây đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tích cực là giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Năm 2015, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 46,2%; ngành dịch vụ chiếm 31%; ngành nông nghiệp chiếm 21,1%. Năm 2019, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 57,6%; ngành dịch vụ chiếm 26,6%; ngành nông nghiệp

chiếm 15,8%. Năm 2020 ước tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 57,7%; ngành dịch vụ chiếm 24,7%; ngành nông nghiệp chiếm 17,6 %.

c) Đóng góp vào ngân sách nhà nước

Giai đoạn 2011 - 2015, các DN nộp NSNN đạt 4.829 tỷ đồng, chiếm 31,1% tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh. Ước giai đoạn 2016-2020, các DN nộp NSNN đạt 9.135 tỷ đồng, chiếm 21,3% tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh.

đ) Tạo việc làm và thu nhập cho người lao động

Giai đoạn 2016 đến năm 2019, số lao động làm việc trong các DN tăng mạnh hơn giai đoạn 2011 - 2015, bình quân mỗi năm tăng 21.800 người; thu nhập bình quân của người lao động tăng từ 5,2 triệu đồng lên khoảng 7 triệu đồng/người/ tháng;

Năm 2019, tổng số lao động làm việc trong các DN là 216.199 người, chiếm khoảng 19,5% lực lượng lao động toàn tỉnh.

1.2. Một số kết quả hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của tỉnh

Xác định doanh nghiệp là trụ cột của nền kinh tế, thời gian qua, được sự quan tâm lớn của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, đặc biệt từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cấp uỷ, chính quyền các cấp trong tỉnh đã chỉ đạo ban hành nhiều chủ trương, chính sách, đề ra nhiều giải pháp thiết thực để khuyến khích, hỗ trợ phát triển DN, cụ thể:

- Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và các văn bản hướng dẫn thi hành: Nghị định số 38/2018/NĐ-CP, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, Chỉ thị số 15/CT-TTg và Quyết định số 844/QĐ-TTg, các sở, ngành, địa phương trong tỉnh đã tích cực triển khai các hoạt động tuyên truyền phổ biến về Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn thi hành: Nghị định số 38/2018/NĐ-CP, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản liên quan; tuyên truyền về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trên website của Sở Khoa học và Công nghệ. Các sở, ngành, địa phương đã phối hợp với Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các báo, tạp chí ở Trung ương xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, bài viết tuyên truyền về những định hướng và kết quả hoạt động nghiên cứu- ứng dụng khoa học công nghệ phục, những mô hình kinh doanh mới hiệu quả, ý tưởng kinh doanh độc đáo nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

Tỉnh cũng đã tổ chức nhiều hoạt động truyền thông về khởi nghiệp, tìm kiếm và phát triển ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp trong thanh niên; tư vấn, hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp. kết nối, kêu gọi, khuyến khích các quỹ đầu tư, nhà đầu tư trong nước và quốc tế đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Tích cực triển khai Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới

sáng tạo Quốc gia đến năm 2025”. Tổ chức thành công Cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” tỉnh Bắc Giang năm 2018 với 65 dự án, ý tưởng tham gia từ đó tìm kiếm, chọn lọc, tôn vinh, trao thưởng cho 10 ý tưởng, dự án tiềm năng, góp phần hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, đồng thời cung cấp các kiến thức về khởi nghiệp và xây dựng tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến đông đảo các tầng lớp sinh viên, thanh niên, tạo sự lan tỏa tinh thần khởi nghiệp trong cộng đồng; thu hút sự quan tâm, hỗ trợ của xã hội, DN đối với các ý tưởng khởi nghiệp có tiềm năng ứng dụng, phát triển trong phát triển DN bền vững, hiệu quả góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hỗ trợ khuyến công, xúc tiến thương mại

Công tác hỗ trợ khuyến công, xúc tiến thương mại đối với các DN luôn được quan tâm. Tỉnh đã hỗ trợ thực hiện nhiều đề án hỗ trợ về hạ tầng, nhãn hiệu, thương hiệu, trình diễn mô hình, thiết bị công nghệ,... Hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, hỗ trợ các DN, cơ sở sản xuất tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm: tham gia hội chợ quốc tế như hội chợ thương mại quốc tế VIETNAM EXPO, Hội chợ Việt - Trung tại Lào Cai và Lạng Sơn, tham gia hội chợ tại các tỉnh thành trong nước ... nhằm giới thiệu, quảng bá các sản phẩm đặc trưng của tỉnh (vải thiều, sản phẩm làng nghề truyền thống) có thế mạnh, có tiềm năng về xuất khẩu, giới thiệu cơ hội và tiềm năng đầu tư của Bắc Giang để tuyên truyền cho các đối tác nước ngoài, tìm kiếm thị trường, giao thương với bạn hàng quốc tế. Phối hợp tạo chuỗi liên kết trong tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa chủ lực giữa thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020. Hằng năm, Sở Công Thương Bắc Giang phối hợp với Sở Công Thương Hà Nội, TTTM BigC Thăng Long tổ chức thành công “Tuần lễ vải thiều Lục Ngạn - Bắc Giang”

- Về hỗ trợ tín dụng

Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh thực hiện nhiều giải pháp thiết thực trong việc hỗ trợ phát triển DN trên địa bàn tỉnh. Đã tổ chức nhiều cuộc đối thoại với DN nhằm tháo gỡ vướng mắc, giúp DN tiếp cận vốn thuận lợi; thực hiện Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh về triển khai chương trình kết nối Ngân hàng - DN và người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, các Ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn đã chủ động tiếp cận với tất cả các DN, hộ kinh doanh và người dân trên địa bàn tỉnh để tìm hiểu, khai thác nhu cầu của khách hàng từ đó đưa ra những tư vấn về gói sản phẩm, giải pháp tài chính phù hợp nhằm giúp khách hàng tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, các ngân hàng cũng đã quan tâm, chia sẻ khó khăn cùng khách hàng thông qua việc giảm lãi suất và giảm bớt thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho khách hàng...; các giải pháp đó đã giúp nhiều DN vượt qua khó khăn, duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh

- Hỗ trợ đào tạo nhân lực DN

Nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho các DN trực tiếp tham gia vào hoạt động đào tạo, cấp chứng chỉ nghề cho lao động phổ thông vào làm việc tại DN;

UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 2128/QĐ-UBND về Đề án đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng khuyến khích DN tham gia đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020, nội dung Đề án đã có định hướng rõ việc đẩy mạnh cơ chế hợp tác 3 bên giữa nhà nước tạo điều kiện, ưu tiên lựa chọn DN có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; định hướng, khuyến khích các DN tham gia hoạt động đào tạo; các cơ sở đào tạo phối hợp với DN trong xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; được phép phối hợp với DN trong việc đào tạo thông qua hình thức thực tập, thực hành nghề nhằm tạo cho người lao động có sẵn kỹ năng thực hành, nắm bắt nhanh quy trình công nghệ và được kết nối, tạo việc làm ngay sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho DN

Từ năm 2016 đến 2019, đã tổ chức gần 450 hội nghị, lớp tập huấn cho người quản lý DN, cán bộ pháp chế và người lao động trong DN, như: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức hơn 38 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về lao động, thang bảng lương, bảo hiểm, an toàn vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động, cán bộ DN và người lao động; Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh tổ chức 50 hội nghị, các lớp tập huấn tuyên truyền về Bộ Luật Lao động, Luật công đoàn năm 2012; Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức trên 100 lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo về Luật DN, Luật Đầu tư, Luật Thương mại... cho 7.865 lượt người là Giám đốc, phó Giám đốc, Trưởng các phòng chuyên môn, kế toán trưởng thuộc DN nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, pháp luật đấu thầu, đầu tư xây dựng cơ bản cho các DN hoạt động trong lĩnh vực xây dựng; Sở Công thương tổ chức hơn 40 lớp tập huấn kiến thức pháp luật cho DN...

- Về giải đáp pháp luật cho DN

Trong những năm qua, hoạt động giải đáp pháp luật cho DN được thực hiện dưới nhiều hình thức như thông qua hoạt động tư vấn, hướng dẫn của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp giải quyết yêu cầu của DN, xây dựng các chuyên mục trên Trang thông tin của các Sở, ngành, giải đáp trực tiếp, giải đáp bằng văn bản, tổ chức các buổi tọa đàm giữa cơ quan nhà nước với tổ chức DN, các DN, giải đáp thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử... Qua hoạt động giải đáp pháp luật, các DN được hướng dẫn, tư vấn, trao đổi những vấn đề vướng mắc liên quan đến hoạt động của DN và những vấn đề quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền ở địa phương. Từ năm 2011 đến 2018, các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh đã giải đáp được hơn 10.000 thắc mắc cho các DN trên địa bàn.

1.3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1.3.1. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, DN trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn. Số lượng DN đăng ký thành lập mới còn thấp so với bình quân của cả nước; tỷ lệ DN tạm ngừng hoạt động, giải thể, không tìm thấy địa chỉ, không kê khai thuế chiếm tỷ lệ cao; số DN hoạt động có lãi thấp.

Các DN hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và thương mại dịch vụ, các DN hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp thủy sản còn chiếm tỷ lệ rất thấp (chiếm 3%). Đối với lĩnh vực công nghiệp, các dự án chủ yếu là gia công, lắp ráp (chủ yếu là hàng may mặc và linh kiện điện tử); chưa có nhiều DN được thành lập trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

Năng lực hoạt động của DN còn yếu, nhiều DN thành lập hoạt động sản xuất trong 2 đến 3 năm đã vay vốn nhiều của các tổ chức tín dụng do hoạt động kém hiệu quả dẫn đến mất khả năng thanh toán; nguồn vốn chủ sở hữu, tài sản đảm bảo của DN thấp so với nhu cầu vốn; vốn thực góp thấp hơn nhiều so với vốn đăng ký; trình độ quản lý, kiến thức hội nhập quốc tế của cán bộ quản lý DN còn nhiều hạn chế; nhiều DN thiếu ý chí vươn lên, kỹ năng tiếp thị, quảng bá sản phẩm, dịch vụ hạn chế nên khả năng gắn kết, tham gia với các DN lớn để mở rộng thị trường, tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất còn hạn chế. Đóng góp cho NSNN chưa nhiều, còn có nhiều DN thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi xã hội chưa đầy đủ...

1.3.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

Xuất phát điểm của nền kinh tế tỉnh ta còn thấp; diện tích lớn nhưng chủ yếu là miền núi, thuộc địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn; quy mô dân số lớn, cộng đồng dân cư gồm nhiều dân tộc; tác động của thiên tai, thời tiết, dịch bệnh... ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

Do nhận thức về vị trí, vai trò và sự quan tâm của một số ngành, địa phương công tác phát triển DN chưa đầy đủ, chưa kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho DN; việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động của DN có lúc, có nơi còn cứng nhắc, chưa linh hoạt, sáng tạo nên hiệu quả chưa cao.

Công tác cải cách thủ tục hành chính tuy đã được kết quả tích cực; song, có lúc, có việc vẫn còn có biểu hiện gây khó khăn, phiền hà cho DN; một bộ phận cán bộ, công chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ còn thiếu kinh nghiệm, tinh thần trách nhiệm chưa cao, hạn chế về trình độ, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc; sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho DN còn chưa thực sự chặt chẽ; kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh chưa được đầu tư đồng bộ; một số quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất chưa thống nhất; trình độ, năng lực quản lý điều hành, hiểu biết pháp luật của một bộ phận chủ DN, người quản lý DN còn hạn chế, chưa tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong sản xuất kinh doanh, nhất là trong thực hiện các chính sách thuế, bảo hiểm xã hội.

Các chính sách hỗ trợ của tỉnh còn thiếu tính chủ động, chủ yếu biên soạn dựa trên các hướng dẫn của Trung ương mà ít có các chính sách đặc thù, riêng có của địa phương. Chưa có các chính sách hỗ trợ DNNVV trong khởi nghiệp sáng tạo; tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị và chuyển đổi từ hộ kinh doanh thành doanh nghiệp...việc thực thi các nội dung hỗ trợ DN đôi khi mang tính hình thức và chưa đáp ứng được yêu cầu.

Tóm lại, để phát triển mạnh mẽ số lượng, chất lượng và quy mô DNNVV trên địa bàn tỉnh; từng bước gia tăng tỷ lệ doanh nghiệp có quy mô lớn; hình thành các trục liên kết, các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng các sản phẩm chủ lực của tỉnh cần phải có những chính sách và giải pháp hỗ trợ đủ mạnh dành cho DNNVV. Do đó, việc xây dựng Đề án “**Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025**” là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo;

Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV;

Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV;

Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên

Thông tư số 54/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (Sau đây gọi là Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND)

Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

2.1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, đóng góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày càng cao vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển các loại hình DN, đặc biệt là các doanh nghiệp dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Hình thành các cụm liên kết ngành, phát triển các doanh nghiệp chế biến, cung ứng gắn với chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp của tỉnh; từng bước xây dựng các doanh nghiệp dẫn đầu có tiềm lực về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2021-2025, phấn đấu tốc độ tăng bình quân đạt 14,5%. Đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 19.000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động.
- Giai đoạn 2021-2025 có 500 hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.
- Phấn đấu đến hết năm 2025: hỗ trợ phát triển 35 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Đến năm 2025, phấn đấu tạo việc làm cho 350.000 lao động.
- Đến năm 2025, hình thành được các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất, chế biến các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh.
- Hình thành 01 cơ sở kỹ thuật, 01 khu làm việc chung để phục vụ hoạt động hỗ trợ DNNVV; hình thành từ 2 đến 3 quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tư nhân; thu hút các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Đối tượng hỗ trợ

DN được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV theo quy định tại Điều 4 Luật hỗ trợ DNNVV.

2. Phạm vi và thời gian hỗ trợ

Các DNNVV thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; thời gian áp dụng trong giai đoạn 2021-2025.

3. Nguyên tắc hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định 39/2018/NĐ-CP

IV. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DNNVV

1. Nhóm chính sách hỗ trợ chung

1.1. Hỗ trợ thông tin

Được cung cấp thông tin miễn phí trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; của các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố Bắc Giang; sàn thương mại điện tử của tỉnh; thông qua các cảm nang, sổ tay, tờ rơi; bao gồm:

a) Thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh; các đề án, quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong và ngoài khu - cụm công nghiệp.

b) Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh.

c) Danh mục và thông tin các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh.

d) Thông tin phục vụ lập kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh; thông tin thị trường, xúc tiến thương mại; hỗ trợ tiếp cận thị trường; đổi mới công nghệ.

e) Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh; các văn bản pháp luật của trung ương và của tỉnh liên quan đến doanh nghiệp.

g) Được hỗ trợ tìm kiếm thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên bản đồ số doanh nghiệp; hệ thống thông tin doanh nghiệp của tỉnh.

h) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2. Hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính

a) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về trình tự, hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

b) Được hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai, môi trường, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và tất cả thủ tục hành chính có liên quan.

e) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký thành lập mới doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của người thành lập DN hoặc DN.

1.3. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng, bảo lãnh tín dụng

a) Hỗ trợ gắn kết Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp với các chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

b) Được giới thiệu, hướng dẫn tiếp cận, thụ hưởng chính sách cho vay từ Quỹ phát triển DNNVV thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quy khác.

c) Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV tỉnh theo quy định Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.4. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất

Thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Mục 1 Chương II Quy định bàn hành kèm theo Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND.

1.5. Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung

a) Nghiên cứu, rà soát, bố trí một số địa điểm thuận lợi để khuyến khích, thu hút các tập đoàn công nghệ lớn, tập đoàn kinh tế, các DN lớn...đầu tư thành lập theo hình thức đối tác công tư 01 cơ sở kỹ thuật, 01 cơ sở ươm tạo, 01 khu làm việc chung để phục vụ hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

b) Khuyến khích các DN và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; thực hiện hỗ trợ các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Hỗ trợ DNNVV.

1.6. Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

1.7. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

a) Thực hiện tổ chức các lớp khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh, quản trị kinh doanh chuyên sâu và đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP; Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV; Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DNNVV theo quy định tại khoản 2 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP; Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.8. Các nội dung hỗ trợ khác

Các nội dung hỗ trợ khác: xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; hỗ trợ pháp lý... được thực hiện theo đề án, chương trình, kế hoạch riêng.

2. Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh

Thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Mục 1 Chương IV Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

3. Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Quy định bàn hành kèm theo Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND

4. Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị: Thực hiện

theo quy định tại Mục 3 Chương II Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND

V. KINH PHÍ VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí dự kiến: 160.545,0 triệu đồng, chia ra các năm:

- Năm 2021: 5.442,0 triệu đồng
- Năm 2022: 108.940,0 triệu đồng
- Năm 2023: 11.993,0 triệu đồng
- Năm 2024: 15.371,0 triệu đồng
- Năm 2025: 18.799,0 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước và từ nguồn hợp pháp khác.

Hàng năm, các cơ quan được giao nhiệm vụ theo Phụ lục, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định cùng với thời điểm lập, phân bổ dự toán hàng năm. Đồng thời, lồng ghép các chương trình hỗ trợ DN khác đã được UBND tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện hàng năm theo kế hoạch của các sở, ban, ngành của tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

Tuyên truyền, phổ biến về chính sách khuyến khích, nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Luật Hỗ trợ DNNVV và Đề án này.

Văn phòng UBND tỉnh chỉ đạo đơn vị trực thuộc thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và tổ chức liên quan theo chức năng, nhiệm vụ công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình các thông tin theo mục 1.1, khoản 1 phần IV Đề án này.

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công thực hiện hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn miễn phí về trình tự, hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính; hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính theo thẩm quyền. Miễn phí thẩm định, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện đối với các DNNVV được chuyển đổi thành lập từ hộ kinh doanh.

Thực hiện tốt các kế hoạch, chương trình, đề án hỗ trợ khác DN khác đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến sở, ban, ngành, cơ quan mình phụ trách.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ được phân công tại Phụ lục kèm theo Đề án này. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký thành lập mới doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của người thành lập DN hoặc DN. Thực hiện miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu, phí công bố thông tin doanh nghiệp lần đầu đối với các DNNVV được chuyển đổi thành lập từ hộ kinh doanh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát một số địa điểm thuận lợi đề xuất thu hút, hướng dẫn lập, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo và khu làm việc chung để phục vụ hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

Hỗ trợ thủ tục đầu tư để khuyến khích các tập đoàn công nghệ lớn, tập đoàn tài chính, ngân hàng... thành lập các quỹ đầu tư cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, hỗ trợ các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo tiếp cận, sử dụng Quỹ phát triển DNNVV của Trung ương. Khuyến khích các DN và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

Tham mưu xây dựng quy chế phối hợp, giám sát và đánh giá thực hiện Đề án này.

Là cơ quan đầu mối triển khai Đề án; hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; thực hiện nhiệm vụ báo cáo kết quả Đề án.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu thành lập Hội đồng tư vấn lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo tham gia Đề án.

Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ được phân công tại Phụ lục kèm theo Đề án này.

Chủ trì thực hiện các hoạt động hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đổi mới công nghệ, thiết bị; phát triển trí tuệ; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ứng dụng, chuyển giao công nghệ".

4. Sở Công Thương

Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ được phân công tại Phụ lục kèm theo Đề án này.

Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham gia nghiên cứu sáng chế công nghệ cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh; chuyển giao ứng dụng thương mại hóa các đề tài đề án, phát minh, sáng kiến.

5. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ được phân công tại Phụ lục kèm theo Đề án này.

b) Hướng dẫn các DN, cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp theo quy định.

6. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

a) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ được phân công tại Phụ lục kèm theo Đề án này.

b) Tổ chức triển khai các hoạt động giới thiệu, hướng dẫn tiếp cận nguồn vốn tín dụng, các điều kiện được vay, ưu đãi từ các loại Quỹ đối với các DNNVV trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh cân đối ngân sách, bố trí kinh phí hàng năm để triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về chế độ kế toán cho DNNVV trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Năm 2021-2022, nghiên cứu, tham mưu xây dựng đề án Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV tỉnh theo quy định Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

8. Cục thuế tỉnh

Là đơn vị đầu mối thực hiện tư vấn hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Hỗ trợ tập huấn miễn phí về các dịch vụ thuế điện tử đối với DNNVV mới thành lập và doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

Thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, các nghĩa vụ tài chính theo quy định đối với DNNVV, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

9. Ban Quản lý các Khu công nghiệp

Chủ trì hỗ trợ cung cấp, hướng dẫn thông tin và thủ tục đầu tư đối với các DNNVV, DNNVV mới thành lập khi có nhu cầu thuê lại mặt bằng sản xuất tại các khu công nghiệp trên địa bàn. Khai thác hiệu quả các khu công nghiệp, tạo nguồn cung sẵn có về mặt bằng sản xuất kinh doanh với chi phí hợp lý; khuyến khích, định hướng để DN đầu tư vào khu công nghiệp tập trung tạo điều kiện thuận lợi đầu tư hạ tầng và hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

10. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Bắc Giang

Chỉ đạo các chi nhánh NHTM trên địa bàn ưu tiên dành nguồn vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi theo cơ chế, chính sách của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các NHTM cho các DNNVV, trong đó đặc biệt là DN mới chuyển đổi từ hộ kinh doanh, DN khởi nghiệp sáng tạo, DN tham gia cụm liên kế ngành trong khoảng thời gian 2-3 năm đầu nhằm giúp DN ổn định và có điều kiện phát triển. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tạo thuận lợi cho DN; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tốt chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp. Tuyên truyền và hướng dẫn DNNVV có nhu cầu vay vốn nắm được đầy đủ các thông tin liên quan đến khoản vay như hồ sơ, thủ tục, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường

Nghiên cứu, tham mưu trình HĐND tỉnh quyết định bố trí quỹ đất để hình

thành, phát triển các cụm công nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu chế biến nông sản tập trung cho DNNVV.

12. Sở Nội vụ

Chủ trì rà soát, theo dõi, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ đối với công tác cải cách hành chính, đặc biệt là các cơ quan thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, cấp giấy phép hoạt động kinh doanh ngành nghề có điều kiện và các thủ tục hành chính khác liên quan trực tiếp đến DN. Hằng năm, tổng hợp và đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt Đề án; kịp thời nhắc nhở, phê bình các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ phân công theo Đề án.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bắc Giang và các Đoàn thể

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các Đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức hội doanh nghiệp) tích cực phối hợp, tham gia tuyên truyền, phổ biến Đề án hỗ trợ DNNVV.

VII. CƠ CHẾ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO

1. Giám sát và đánh giá kết quả triển khai Đề án

Cơ quan chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện; có giải pháp xử lý phù hợp, kịp thời, linh hoạt; đồng thời kiến nghị, đề xuất những giải pháp chỉ đạo, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về các hoạt động giám sát, đánh giá và chuẩn bị các báo cáo định kỳ và đột xuất gửi đến UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan.

Đánh giá giữa kỳ nhằm đánh giá sơ bộ kết quả đạt được của Đề án và đưa ra các khuyến nghị cho thời gian còn lại của Đề án để đảm bảo đạt được mục tiêu của Đề án.

Đánh giá cuối kỳ nhằm đánh giá toàn bộ kết quả, mục tiêu của Đề án.

2. Cơ chế báo cáo

Cơ quan chủ trì nhiệm vụ định kỳ hàng quý (sau 10 ngày kết thúc quý), sáu tháng (sau 15 ngày kết thúc quý), năm (sau 20 ngày kết thúc năm) hoặc đột xuất theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan đầu mối).

Cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo định kỳ hàng quý (sau 15 ngày kết thúc quý), sáu tháng (sau 20 ngày kết thúc quý), năm (sau 30 ngày kết thúc năm) hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện đề án, tình hình hỗ trợ DNNVV với UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan./.